

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH D NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – T do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2022/HS-ST
Ngày: 21-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH D NAI**

- Thành phần Hội D xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thế Cần – Nguyên

Bí thư Đoàn phường Thống Nhất, thành phố B.

Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ

hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh D Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh D Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 288/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2021/QĐXXST-HS ngày 30/6/2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 967/TB-TA ngày 21/7/2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 1138/TB-TA ngày 19/8/2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 1168/TB-TA ngày 22/9/2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 1288/TB-TA ngày 18/10/2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 1377/TB-TA ngày 16/11/2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 1397/TB-TA ngày 20/12/2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 58/TB-TA ngày 20/01/2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 135/TB-TA ngày 18/02/2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 186/TB-TA ngày 18/3/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Hữu T; Tên gọi khác: Cu Năm; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09 tháng 5 năm 2005, tại D Nai; Nơi cư trú: Số 160/42/3B, khu phố 3, phường Q, thành phố B, tỉnh D Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Công L, sinh năm 1973; Họ và tên mẹ: T, sinh năm 1975; Bị cáo là con thứ 04 trong gia đình có 06 anh em và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 30 tháng 10 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Gia T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 22 tháng 11 năm 2005, tại D Nai; Nơi cư trú: số 120/44/26, khu

phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Lê Nhật Phương, sinh năm 1976 (Đã chết); Họ và tên mẹ: Trần Thị Thúy, sinh năm 1979; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 30 tháng 10 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10 tháng 12 năm 2003, tại D Nai; Nơi cư trú: số 120/44/26, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Lê Nhật Phương, sinh năm 1976 (Đã chết); Họ và tên mẹ: Trần Thị Thúy, sinh năm 1979; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 30 tháng 10 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

4. Họ và tên: Lê Hữu L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 17 tháng 5 năm 2004, tại D Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 137A/7, khu phố 4A, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai; Nơi cư trú: khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh D Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Bùi Hữu Lợi, sinh năm 1973; Họ và tên mẹ: Lê Thị L, sinh năm 1982; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 30 tháng 10 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

5. Họ và tên: Phạm Văn D; Tên gọi khác: D đệ; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 07 tháng 4 năm 2001, tại D Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 703/107, tổ 10, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai; Nơi cư trú: khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Phạm Văn Trí, sinh năm 1972; Họ và tên mẹ: Phạm Thị Xuân Thu, sinh năm 1979; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 04 anh em và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 24 tháng 9 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

6. Họ và tên: Đoàn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09 tháng 9 năm 2003, tại D Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số K1/30 Tân Bản, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh D Nai; Nơi cư trú: khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Đoàn Anh Quốc, sinh năm 1981 (Đã chết); Họ và tên mẹ: Trần M Diễm Thúy, sinh năm 1980; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày

24 tháng 9 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

7. Họ và tên: Võ Huỳnh M; Tên gọi khác: M em; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 03 tháng 9 năm 2004, tại D Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 28A, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai; Nơi cư trú: khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Võ N, sinh năm 1978; Họ và tên mẹ: Huỳnh Thị T, sinh năm 1982; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 24 tháng 9 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

8. Họ và tên: Nguyễn Hồng Gia B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15 tháng 10 năm 2005, tại Thành phố Hồ Chí M; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 12B, tổ 2, khu phố 7, phường T, Quận 12, thành phố Hồ Chí M; Nơi cư trú: không xác định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Hồng C, sinh năm 1973; Họ và tên mẹ: Nguyễn Ngọc Lan, sinh năm 1977; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo ra đầu thú và bị giam giữ từ ngày 24 tháng 9 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1/ *Người bào chữa cho các bị cáo Đoàn H, Nguyễn Hữu T và Lê Hữu L:* Ông Lê M Tuấn – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh D Nai. (Có mặt)

2/ *Người bào chữa cho bị cáo B:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh D Nai. (Có mặt).

3/ *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn H, Nguyễn Gia T và Võ Huỳnh M:* Bà Hoàng M Thư – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh D Nai. (Có mặt)

- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

1/ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo B:* Ông Nguyễn Hồng C, sinh năm 1973 (Cha ruột) và bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1977 (Mẹ ruột).

Địa chỉ: 12B, tổ 2, khu phố 7, phường T, Quận 12, TP. Hồ Chí M. (Có mặt).

2/ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo T:* Bà T, sinh năm 1975 (Mẹ ruột) và ông Nguyễn Công L, sinh năm 1973 (Cha ruột)

Nơi cư trú: số 160/42/3B, khu phố 3, phường Q, thành phố B, tỉnh D Nai. (Có mặt).

3/ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo M:* Ông Võ N, sinh năm 1978 (Cha ruột) và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ 41B, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai. (Có mặt).

4/ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn H:* Bà Trần M Diễm Thúy, sinh năm 1980 (Mẹ ruột)

Nơi cư trú: số K1/30, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh D Nai. (Có mặt).

5/ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo L:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1983 (Mẹ ruột)

Nơi cư trú: số 137A/7, khu phố 4A, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai. (Có mặt)

Và ông Bùi Hữu Lợi, sinh năm 1973 (Cha ruột)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh D Nai. (Có mặt).

6/ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Gia T và Nguyễn H:* Bà Trần Thị Thúy, sinh năm 1979 (Mẹ ruột)

Nơi cư trú: số 120/44/26, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai. (Có mặt).

- Bị hại: 1/ Chị Lý Thị T, sinh năm: 1999,

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nơi cư trú hiện nay: 24, tổ 37, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai. (Có mặt).

2/ Em Lê Nguyễn Hoàn L, sinh ngày: 04/3/2004,

Người đại diện hợp pháp của em Kha: Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1980 (Mẹ ruột).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Xuân Lộc, tỉnh D Nai. (Có mặt).

3/ Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Số 219/6, khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh D Nai. (Có mặt)

4/ Em Hoàng Thị T, sinh ngày 24/5/2003,

Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện Nhơn Trạch, tỉnh D Nai.

Nơi ở hiện nay: 70C8, khu phố 11, phường T, thành phố B, D Nai. (Vắng mặt).

5/ Em Nguyễn Trần K, sinh ngày: 23/02/2004, (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của em Tâm: Ông Nguyễn T, sinh năm 1976 (Cha ruột)

Cùng địa chỉ: Số 100, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

6/ Anh Nguyễn M Tiến, sinh năm 1995,

Địa chỉ: Số A4/131 Lê Lợi 1, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

7/ Anh Đăng Q, sinh năm 1988,

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

8/ Anh Nguyễn Đoàn Quốc H, sinh năm 2000,

Địa chỉ: 185/C1, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

9/ Anh Tiêu Đình Phước V, sinh năm 1983,

Địa chỉ: ấp Bình Ý, xã T, huyện V, tỉnh D Nai.

Nơi ở hiện nay: Khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, D Nai.
(Vắng mặt).

10/ Em Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 09/9/2004,

Địa chỉ: 235, ấp H, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của em Tài: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1979 (Cha ruột)

Địa chỉ: Số 980, tổ 29 T, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

11/ Anh Trần Đình T, sinh năm 1984,

Địa chỉ: Tổ 12, ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh D Nai. (Có mặt).

12/ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1998,

Địa chỉ: tổ 42, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lý Văn D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

2/ Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 100, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

3/ Ông Lâm Thanh B, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 2445 M, huyện Tháp Mười, tỉnh D Tháp. (Vắng mặt).

4/ Ông Kiều Anh T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 9, khu 9, Thị trấn T, huyện T, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

5/ Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 980, tổ 29 T, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

6/ Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 192, tổ 2, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh D Nai.
(Vắng mặt).

7/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt).

8/ Anh Võ Đình D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 242/6, tổ 34, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh D Nai.
(Vắng mặt).

9/ Ông Nguyễn Hồng C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 12B, tổ 2, khu phố 7, phường T, Quận 12, TP. Hồ Chí M. (Có mặt).

10/ Em Thái Thanh P, sinh năm 2001.

Địa chỉ: 03, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

11/ Anh Dương Quốc T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 74 K, phường A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí M.
(Vắng mặt).

12/ Ông Lê Công D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Xuân Lộc, tỉnh D Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn D, Đoàn H, Võ Huỳnh M, Nguyễn Hồng Gia B, Nguyễn Hữu T, Nguyễn H, Nguyễn Gia T và Lê Hữu L là bạn bè với nhau và là những đối tượng không có nghề nghiệp, thường xuyên bỏ gia đình đi lang thang và tụ tập thành các nhóm nhỏ từ 03 đến 04 người rủ nhau đi cướp tài sản của những người đi trên đường một mình vào những thời điểm và đoạn đường vắng người để tiêu xài. Trong khoảng thời gian từ ngày 02 tháng 9 năm 2020 đến ngày 02 tháng 10 năm 2020, D đã cùng D bọn dùng thủ đoạn sử dụng dao thái lan và xe mô tô để thực hiện 12 vụ cướp tài sản trên địa bàn thuộc thành phố B, huyện Thống Nhất và huyện Trảng Bom, tỉnh D Nai, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 02 tháng 9 năm 2020, chị Lý Thị T (sinh năm 1999, ngụ tại ấp T, xã T, huyện C Thành, tỉnh Hậu Giang) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 95H1-267.66 một mình đi trên đường hẻm thuộc tổ 93, khu phố 13, phường Hố Nai, thành phố Biên Hoà để về phòng trọ thì phát hiện có xe mô tô đi theo phía sau. Khi chị Trang vừa dừng xe ngay đầu dãy nhà trọ thì bị D, H, M và T điều khiển xe mô tô đâm thẳng vào xe của chị Trang, làm chị Trang ngã xuống đường, chị Trang đứng dậy thì bị D dùng dao thái lan và cùng D bọn không chừa đe dọa và chiếm đoạt chiếc xe trên của chị Trang, bên trong cốp xe có đựng 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu hồng và 01 chiếc điện thoại di động Samsung A71 màu xanh. Sau đó, D đã mang bán chiếc xe của chị Trang được số tiền 6.000.000 D (Sáu triệu D), chia nhau tiêu xài hết.

Vật chứng gồm:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade biển số 95H1-267-66 của Lý Thị T. Sau khi cướp được, các bị cáo đã bán cho đối tượng tên Sơn (không rõ họ và địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được;

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, bị cáo D đã giao dịch quan mạng và bán cho người (không rõ nhân thân, lại lịch); còn 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A71 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng, bị cáo D đã làm mất, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Kết quả định giá kết L: 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade biển số 95H1-267-66, trị giá 29.400.000 D (Hai mươi chín triệu, bốn trăm nghìn D);

Riêng đối với: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A71; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, tài sản chưa thu hồi được, không xác định được rõ đặc điểm, chủng loại và giá trị sử dụng còn lại nên không định giá được. Tại phiên tòa, chị Trang không yêu cầu gì thêm về những tài sản này nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về dân sự: Người bị hại chị Lý Thị T yêu cầu các bị cáo D, H, M và T phải bồi thường số tiền 29.400.000 D (Hai mươi chín triệu, bốn trăm nghìn D). Hiện các bị cáo chưa bồi thường.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08 tháng 9 năm 2020, anh Lê Nguyễn Hoàn L (sinh năm 2004, ngụ tại xã B Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh D Nai) điều khiển xe mô tô hiệu SCOOPY biển số 60AB- 046.96. đi một mình từ thành phố Hồ Chí M về đến đường Quốc lộ 1A đoạn thuộc ấp Nguyễn Thái Học, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất thì bị B sử dụng xe mô tô kiểu wave của B chở L, còn T sử dụng xe wave đỏ chở T đuổi theo, ép xe anh Kha dừng lại và va xôn vào dùng chân tay đánh anh Kha ngã vào bụi cây ven đường. Lúc này, L lục lấy trong túi của anh Kha 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A6 cùng số tiền 24.000 D (Hai mươi bốn nghìn D) và lấy chiếc xe trên của anh Kha. Sau đó, T cùng D bọn đi về lại thành phố B, T đưa cho B số tiền 24.000 D (Hai mươi bốn nghìn D) trên để đồ xăng, còn chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A6 T bán được 400.000 D (Bốn trăm nghìn D) chia nhau tiêu xài hết.

Vật chứng gồm:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Scoopy biển số 60AB-046.96 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 (Ram 3GB, bộ nhớ trong 32GB) của anh Lê Nguyễn Hoàn L. Sau khi chiếm đoạt bị cáo T sử dụng xe để đi lại thì bị mất; riêng chiếc điện thoại, bị cáo bán cho người (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được;

- Số tiền 24.000 D (Hai mươi bốn nghìn D) cướp được của anh Kha và số tiền 400.000 D (Bốn trăm nghìn D) do phạm tội mà có, các bị cáo đã chia nhau tiêu xài hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được;

Kết quả định giá kết L: 01 chiếc xe mô tô hiệu Scoopy biển số 60AB-046.96, trị giá 4.000.000 D (Bốn triệu D) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 (Ram 3GB, bộ nhớ trong 32GB), trị giá 2.600.000 D (Hai triệu, sáu trăm nghìn D);

Về dân sự: Người bị hại anh Lê Nguyễn Hoàn L yêu cầu các bị cáo B, L, T và T phải bồi thường số tiền 6.600.000 D (Sáu triệu, sáu trăm nghìn D). Hiện các bị cáo chưa bồi thường.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 03 giờ 00 ngày 13 tháng 9 năm 2020, chị Trần Thị Bích L (sinh năm 1980, ngụ tại số 219/6, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố Biên Hoà, tỉnh D Nai) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60F1-942.08 đi một mình trên đường hẻm giáo xứ Hà Nội đoạn thuộc khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố Biên Hoà thì bị D, H, M và T đi trên một xe mô tô chạy đến từ phía sau, ép chị L dừng lại, D cùng D bọn dùng dao đe dọa yêu cầu chị L xuống xe, D thời dùng tay đẩy chị L ra khỏi xe và chiếm đoạt chiếc xe trên của chị L. Sau đó, D đã mang bán chiếc xe của chị Trang được số tiền 4.000.000 D (Bốn triệu D), chia nhau tiêu xài hết.

Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60F1-942.08 của Trần Thị Bích L. Sau khi cướp được, bị cáo D đã bán cho đối tượng tên Sơn (không rõ họ và địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được;

Kết quả định giá kết L: 01 chiếc xe mô tô hiệu Vision biển số 60F1-942.08, trị giá 22.260.000 D (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn D);

Về dân sự: Người bị hại chị Trần Thị Bích L yêu cầu các bị cáo D, H, M và T phải bồi thường số tiền 22.260.000 D (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn D). Hiện các bị cáo chưa bồi thường.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 00 giờ ngày 16 tháng 9 năm 2020, sau khi rủ nhau đi cướp tài sản, D lấy 01 con dao thái lan (có cán màu vàng) cất giấu vào trên người, sau đó H điều khiển xe mô tô chở D, còn B điều khiển xe mô tô chở M đi đến đường D Khởi thì phát hiện chị Hoàng Thị T (sinh năm 2003, ngụ tại ấp Nhất Trí, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh D Nai) đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60C2-707.53 đi từ hướng Ngã tư T về hướng cây xăng 26 nên D và D bọn liền điều khiển xe đuổi theo. Khi đi đến đoạn đường hẻm trước nhà số 9/2/28, khu phố 11, phường T, thành phố B thì H điều khiển xe chạy ép xe của chị Ân làm cho chị Ân ngã xuống đường cùng chiếc xe, D liền nhảy xuống đường dùng dao kề vào gáy cổ của chị Ân không chế để cho M lấy chiếc xe mô tô trên của chị Ân, sau đó mang xe về khu vực nghĩa địa Đình Tân Bản thuộc tổ 70, khu phố 3, phường Bửu Hoà, thành phố B cất giấu. Đến 22 giờ 00 ngày 23 tháng 9 năm 2020, B đến Công an phường Hóa An đầu thú, khai ra D bọn và được lập hồ sơ chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý. Đến ngày 24 tháng 9 năm 2020, D, H và M cũng bị bắt khẩn cấp để điều tra, xử lý.

Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60C2-707.53 của chị Hoàng Thị T. Sau khi cướp được, các bị cáo cất giấu tại khu vực nghĩa địa Đình Tân Bản thuộc phường Bửu Hoà, thành phố B thì được người dân phát hiện, giao nộp Cơ quan điều tra và đã trả lại cho chị Ân.

Kết quả định giá kết L: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60C2-707.53, trị giá 32.400.000 D (Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn D);

Về dân sự: Người bị hại chị Hoàng Thị T đã nhận lại được tài sản bị cướp và không có yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 5: Vào khoảng 17 giờ 00 ngày 21 tháng 9 năm 2020, anh Nguyễn Trần K (sinh năm 2004, ngụ tại khu phố 3, phường Tân Hạnh, thành phố B, tỉnh D Nai) điều khiển xe mô tô hiệu Waterfall biển số: 60H5-3314 đi một mình trên đường hẻm thuộc khu phố 1B, phường Tân Hạnh, thành phố B thì bị T, L và B điều khiển xe mô tô ép xe của anh Tâm dùng lại, sau đó giả vờ hỏi anh Tâm đánh bạn của chúng phải không, D thời dùng tay đánh vào mặt anh Tâm và tiếp tục giả vờ nói anh Tâm lên xe để chở đi gặp hiệu trưởng, anh Tâm bị đánh và sợ hãi không dám lên xe thì bị T và D bọn chiếm đoạt chiếc xe trên.

Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Waterfall biển số: 60H5-3314 của anh Nguyễn Trần K. Sau khi cướp được, các bị cáo đã thay, gắn biển số 60F1- 103.07 để làm phương tiện tiếp tục đi cướp tài sản, chiếc xe đã bị Cơ quan điều tra thu giữ và trả lại cho anh Tâm;

Kết quả định giá kết L: 01 chiếc xe mô tô hiệu Waterfall biển số 60H5-3314, trị giá 2.000.000 D (Hai triệu D);

Về dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Trần K đã nhận lại tài sản bị cướp và không có yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 6: Vào khoảng 21 giờ 30 cùng ngày 21/9/2020, anh Nguyễn M Tiến (sinh năm 1995, ngụ tại A4/131 Lê Lợi, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai) điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150 biển số 60B7-644.09 đi một mình trên đường Võ Nguyên Giáp, khi đi đến đoạn đường thuộc tổ 12, khu phố Tân Lập, phường Phước Tân, thành phố B, tỉnh D Nai, anh Tiến dừng xe bên lề đường để đi vệ sinh thì bị T, H và T điều khiển xe mô tô Waterfall biển số 60H5-3314 (cướp được của anh Tâm trước đó) chạy tới giả vờ hỏi đường, sau đó T sử dụng dao thái lan cùng với H và T xông vào đánh anh Tiến và chiếm đoạt chiếc xe trên của anh Tiến, bên trong cốp xe có giấy Chứng M nhân dân, Giấy phép lái xe, giấy Đăng ký xe mô tô đều mang tên Nguyễn M Tiến và số tiền 800.000 D (Tám trăm nghìn D). Sau đó, T mang bán chiếc xe của anh Tiến cho một người (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực phường An Bình được số tiền 11.000.000 D (Mười một triệu D), chia nhau tiêu xài hết.

Vật chứng gồm:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150 biển số 60B7-644.09, của Nguyễn M Tiến bị chiếm đoạt. Ngày 19/01/2021 Công an Quận 11, thành phố Hồ Chí M phát hiện đối tượng Đỗ M Dũng (sinh năm 1981, ngụ tại 131/37 đường Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, thành phố Hồ Chí M) đang điều khiển xe mô tô trên (gắn biển số giả 85C1- 257.48) không có giấy đăng ký xe nên đã tạm giữ, giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và đã được trả lại cho anh Tiến;

- 01 Giấy chứng M nhân dân, 01 Giấy phép lái xe (GPLX) và 01 giấy Đăng ký xe mô tô đều mang tên Nguyễn M Tiến, các bị cáo đã vứt bỏ, không xác định được địa điểm nên Cơ quan điều tra không thu hồi được;

- Số tiền 800.000 D (Tám trăm nghìn D) chiếm đoạt được của anh Tiến và số tiền 11.000.000 D (Mười một triệu D), do bán chiếc xe mà có, các bị cáo đã chia nhau tiêu xài nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Kết quả định giá kết L: 01 chiếc xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150 biển số 60B7-644.09, trị giá 47.830.800 D (Bốn mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn, tám trăm D);

Về dân sự: Người bị hại anh Nguyễn M Tiến đã nhận lại được chiếc xe bị cướp và không có yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 7: Vào khoảng 23 giờ ngày 27 tháng 9 năm 2020, sau khi bàn bạc với nhau, H điều khiển xe mô tô Wave xanh (chưa rõ biển số) chở L, còn T chở T bằng xe mô tô hiệu Suzuki Satria (cướp được ở huyện Thống Nhất) đến địa bàn thuộc huyện Thống Nhất để cướp tài sản. Khi đi đến đoạn đường nội bộ thuộc xã Bàu hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai thì phát hiện anh Đặng Quốc Dũng (sinh năm 1988, ngụ tại: xã An Nghĩa, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai) đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Sonic 150R biển số 50N1-304.98 đi trên đường cùng chiều. L cùng D bọn chặn đầu xe, ép xe của anh Dũng và dùng chân tay đánh anh Dũng, anh Dũng bỏ chạy và nhặt đá chống

trả thì bị T và Huy rút dao ra đe dọa, sau đó chiếm đoạt chiếc xe trên của anh Dũng.

Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Sonic 150R biển số 50N1- 304.98 của anh Đăng Quốc Dũng. Sau khi cướp được, bị cáo T sử dụng để làm phương tiện đi lại thì bị Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố B tạm giữ, giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, trả lại cho anh Dũng;

Kết quả định giá kết L: chiếc xe mô tô hiệu Honda Sonic 150R biển số 50N1-304.98, trị giá 27.000.000 D (Hai mươi bảy triệu D);

Về dân sự: Người bị hại anh Đăng Quốc Dũng đã nhận lại được tài sản bị cướp và không có yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 8: Vào khoảng 22 giờ 00 ngày 28 tháng 9 năm 2020, khi T cùng với L, H và T đang ở tại khu vực ngã ba “Trị An” thuộc huyện Trảng Bom thì phát hiện anh Nguyễn Đoàn Quốc Hưng (sinh năm 2000, ngụ tại: 186/C1, ấp Đức Long 1, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai) đang điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha- Mio biển số 66P1- 763.70 đi trên đường Quốc lộ 1A hướng đi về thị trấn Trảng Bom. T cùng D bọn liền điều khiển xe mô tô đuổi theo, ép xe và quát tháo đe dọa làm anh Hưng hoảng sợ tăng ga xe bỏ chạy về hướng thị trấn Trảng Bom. Khi anh Hưng chạy đến khu vực Công viên Tượng đài bờ hồ thuộc khu phố 4, thị trấn Trảng Bom thì xe anh Hưng bị tắt máy nên Hưng bỏ xe lại và núp vào bụi cây gần đó thì bị T cùng D bọn chiếm đoạt được xe mô tô trên.

Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Mio biển số 66P1- 763.70 của Nguyễn Đoàn Quốc Hưng, sau khi chiếm đoạt các bị cáo chưa kịp tiêu thụ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ, trả lại cho anh Hưng;

Kết quả định giá kết L: Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Mio biển số 66P1- 763.70, trị giá 9.000.000 D (Chín triệu D);

Về dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Đoàn Quốc Hưng đã nhận lại tài sản bị cướp và không có yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 9: Vào khoảng 21 giờ 30 ngày 02 tháng 10 năm 2020, L điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Satria chở T, còn H điều khiển xe wave xanh (không rõ biển số) chở T đi đến huyện Thống Nhất để cướp tài sản. Khi đi đến đường Quốc lộ 20 đoạn cầu Gia Đức thuộc ấp Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai thì phát hiện anh Tiêu Đình Phước Vỹ (sinh năm 1983, ngụ tại ấp Bình Ý, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh D Nai) điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60B3- 195.68. L cùng D bọn điều khiển xe chặn đầu, ép xe anh Vỹ và dùng tay chân đánh anh Vỹ, sau đó L chiếm đoạt được xe mô tô trên của anh Vỹ.

Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60B3- 195.68 của Tiêu Đình Phước Vỹ. Sau khi cướp được các bị cáo thay, gắn biển số giả 72D1- 083.31 và sử dụng làm phương tiện đi cướp tài sản thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ, trả lại cho anh Vỹ;

Kết quả định giá kết L: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60B3-195.68, trị giá 10.000.000 D (Mười triệu D);

Về dân sự: Người bị hại anh Tiêu Đình Phước Vũ đã nhận lại được tài sản bị cướp và không có yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 10: Vào khoảng 22 giờ 40 ngày 02 tháng 10 năm 2020, sau khi thực hiện vụ cướp tài sản tại ấp Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai trên đường đi về, T điều khiển xe Satria, Huy điều khiển xe wave xanh, còn L chở T bằng xe Exciter mới cướp được của anh Vũ đi đến đường Quốc lộ 1A đoạn thuộc xóm Hố, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai thì phát hiện anh Nguyễn Tấn Tài (sinh năm 2004, ngụ tại ấp Hưng Thạnh, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh D Nai) đang điều khiển xe mô tô hiệu AROW biển số 60Y4- 6290 đi trên đường. T cùng D bọn điều khiển xe chặn đầu xe, ép xe anh Tài và dùng chân, tay tấn công anh Tài, sau đó chiếm xe trên của anh Tài, bên trong cốp xe có để 01 điện thoại di động Xiamao Mi A2 Lite và số tiền 90.000 D (Chín mươi nghìn D), tiêu xài hết.

Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Arrow.7 C110 biển số 60Y4-6290 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Mi A2 Lite, là tài sản của anh Nguyễn Tấn Tài. Sau khi cướp được bị cáo T cất giữ chiếc điện thoại trên người, còn chiếc xe các bị cáo tiếp tục sử dụng xe để đi cướp thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ, trả lại các tài sản trên cho anh Tài;

Kết quả định giá kết L: 01 chiếc xe mô tô hiệu Arrow.7 C110 biển số 60Y4-6290, trị giá 3.000.000 D (Ba triệu D) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Mi A2 Lite, trị giá 800.000 D (Tám trăm nghìn D).

Về dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Tấn Tài đã nhận lại được tài sản bị cướp và không có yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 11: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17 tháng 10 năm 2020, khi phát hiện anh Trần Đình Thương (sinh năm 1984, ngụ tại ấp Tân Cang, xã Phước Tân, thành phố B, tỉnh D Nai) điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60F1-103.07 đi trên đường Phan Đăng Lưu, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh D Nai một mình nên T cùng L, H và T điều khiển xe mô tô đuổi theo, ép xe và dùng dao thái lan dơ ra đe dọa làm anh Thương sợ hãi, dừng xe và để xe lại bỏ chạy thì bị T cùng D bọn chiếm đoạt chiếc xe trên, sau đó mang bán cho người (không rõ họ tên và địa chỉ) được số tiền 1.200.000 D (Một triệu, hai trăm nghìn D), chia nhau tiêu xài hết.

Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 60F1-103.07 của anh Trần Đình Thương. Sau khi chiếm đoạt, các bị cáo đã bán cho đối tượng (không rõ họ tên và địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được;

Kết quả định giá kết L: Chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 60F1-103.07, trị giá 9.400.000 D (Chín triệu, bốn trăm nghìn D);

Về dân sự: Người bị hại anh Trần Đình Thương xác định giá trị tài sản không lớn nên không có yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 12: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29 tháng 10 năm 2020, anh Nguyễn Văn Vinh (sinh năm 1998, ngụ tại tổ 42, khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân, thành phố B, tỉnh D Nai) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM

Attila biển số 76F1- 9693 đi một mình trên đường đường Bùi Văn Hòa đoạn thuộc khu phố 7, phường Long Bình, thành phố B thì bị T, L, T và H phát hiện điều khiển xe đuổi theo, ép xe làm anh Vinh ngã xuống đường, sau đó T và T xuống xe xông vào đánh anh Vinh để cướp xe thì bị anh Vinh dùng nón B hiểm đánh trả lại làm hai đối tượng bỏ lên xe của D bọn bỏ chạy. Sau đó, cả bốn quay lại dùng đá và khúc cây nhặt được bên đường tiếp tục tấn công anh Vinh thì bị anh Vinh và bạn anh Vinh đi ngang qua hỗ trợ bắt giữ được T giao cho Công an phường Long Bình lập hồ sơ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý. Riêng T, L và H bỏ chạy tẩu thoát, sau đó bị bắt khẩn cấp, khởi tố, điều tra, xử lý.

Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Attila biển số 76F1-9693 của anh Nguyễn Văn Vinh, các bị cáo chưa chiếm đoạt được, sau khi tạm giữ phục vụ công tác định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Vinh;

Kết quả định giá kết L: chiếc xe mô tô hiệu Attila biển số 76F1-9693, trị giá 5.000.000 D (Năm triệu D);

Về dân sự: Người bị hại Nguyễn Văn Vinh không có yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng mô tả. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 318/CT-VKSBH ngày 11/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố:

- Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lê Hữu L, Nguyễn Gia T và Nguyễn H đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, theo quy định tại các điểm b, d và đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo Phạm Văn D, Đoàn H và Võ Huỳnh M đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, theo quy định tại các điểm d và đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Nguyễn Hồng Gia B đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội D xét xử:

- Áp dụng điểm b, d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b, d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Gia T mức án tù 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù.

- Áp dụng điểm b, d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Lê Hữu L mức án tù 05 (Năm) năm đến 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b, d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Nguyễn H mức án từ 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng đến 06 (Sáu) năm tù.

- Áp dụng điểm d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D mức án từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Đoàn H mức án từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng đến 05 (Năm) năm tù.

- Áp dụng điểm d và đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Võ Huỳnh M mức án từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng Gia B mức án từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Đối với con dao (loại dao thái lan) các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, sau khi sử dụng bị cáo đã vứt bỏ, không xác định được địa điểm nên không thu hồi được;

Đối với 01 xe mô tô biển số 51Y6-0186, bị cáo B cùng D bọn sử dụng làm phương tiện phạm tội, là xe của ông Nguyễn Văn Ngà (đã chết) là anh ruột của bố bị cáo B (là ông Nguyễn Hồng C) để tại nhà của ông C, bị cáo B T ý lấy để sử dụng. Kết quả tra cứu, chưa xác định được nguồn gốc xe nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác M và xử lý sau.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60AA-132.88, bị cáo M cùng D bọn sử dụng làm phương tiện phạm tội, là xe của bị cáo M mua lại của người (không rõ họ tên và địa chỉ) tại khu vực nhà thờ B nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với đối tượng Đỗ M Dũng bị phát hiện có sử dụng chiếc xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150 biển số 60B7-644.09, Cơ quan điều tra Công an thành phố B tiếp tục phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, thành phố Hồ Chí M để điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật;

Đối với đối tượng Nguyễn Ngọc Hà (bạn của bị cáo T) và các đối tượng đã mua các tài sản do các bị cáo cướp được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác M, điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Về thương tích của các bị hại: những người bị hại trong vụ án đều xác định chỉ bị trầy xước nhẹ, không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu xử lý đối với các bị cáo nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại phiên tòa, bị hại là chị Lý Thị T và chị Trần Thị Bích L có đề nghị Hội D xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái và rất ăn năn, hối lỗi, xin Hội D xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để các bị cáo sớm về gia đình.

Ông Lê M Tuấn bào chữa cho các bị cáo Đoàn H, Nguyễn Hữu T và Lê Hữu L trình bày lời bào chữa: Thống nhất nội dung cáo trạng truy tố về tội danh, khung hình phạt. Về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đưa ra đã cân nhắc và đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên đề nghị Hội D xét xử xem xét các bị cáo tuổi còn nhỏ, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, riêng bị cáo T phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, các bị cáo không nhận được sự quan tâm, giáo dục đầy đủ của gia đình. Tại phiên tòa, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo T nguyện D ý bồi thường cho bị hại. Ngoài ra, bị hại là chị Trang và chị L đã xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội D xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo bản án nặng về giáo dục và nhẹ về hình phạt.

Bà Hoàng M Thu bào chữa cho các bị cáo Nguyễn H, Nguyễn Gia T và Võ Huỳnh M trình bày lời bào chữa: Thống nhất nội dung cáo trạng truy tố về tội danh, khung hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và lời trình bày của ông Lê M Tuấn. Riêng bị cáo T và Huy là hai anh em, bố mất sớm chỉ có một mình mẹ nên gia đình khó khăn và các bị cáo cũng không có được sự uốn nắn, giáo dục đầy đủ. Bị cáo M đã có tác động để cha mẹ bị cáo nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, kính mong Hội D xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tới mức thấp nhất cho các bị cáo, riêng bị cáo M thì có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quyết định hình phạt đối với bị cáo M dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bà Nguyễn Thị Hoài Thương bào chữa cho bị cáo B trình bày lời bào chữa: Thống nhất nội dung cáo trạng truy tố về tội danh, khung hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và lời trình bày của ông Lê M Tuấn và Hoàng M Thu. Bị cáo B đã T nguyện ra đầu thú và nhận thức rõ về sai lầm của mình và ăn năn, hối cải nên kính mong Hội D xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tới mức thấp nhất cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với xã hội và đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội D xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn D, Đoàn H, Võ Huỳnh M, Nguyễn Hồng Gia B, Nguyễn Hữu T, Nguyễn H, Nguyễn Gia T và Lê Hữu L đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 02 tháng 9 năm 2020 đến ngày 02 tháng 10 năm 2020, để có tiền tiêu xài, bằng thủ đoạn sử dụng dao thái lan và xe mô tô không chế, đe dọa tấn công những người bị hại đi một mình vào thời điểm và đoạn đường vắng người, Phạm Văn D, Đoàn H, Võ Huỳnh M, Nguyễn Hồng Gia B, Nguyễn Hữu T, Nguyễn H, Nguyễn Gia T và Lê Hữu L đã thực hiện 12 vụ cướp tài sản trên địa bàn thuộc thành phố B, huyện Thống Nhất và huyện Trảng Bom, tỉnh D Nai, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 02 tháng 9 năm 2020, tại đường hẻm thuộc tổ 93, khu phố 13, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hoà, D, H, M và T đã cướp của chị Lý Thị T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 95H1-267.66, trị giá 29.400.000 D (Hai mươi chín triệu, bốn trăm nghìn D), bên trong có đựng 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu hồng và 01 chiếc điện thoại di động Samsung A71 màu xanh.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại khu vực đường Quốc lộ 1A đoạn thuộc ấp Nguyễn Thái Học, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, B, L, T và T đã cướp được của anh Lê Nguyễn Hoàn L 01 xe mô tô hiệu SCOOBY biển số 60AB- 046.96. trị giá 4.000.000 D (Bốn triệu D); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6, trị giá 2.600.000 D (Hai triệu, sáu trăm nghìn D) và số tiền 24.000 D (Hai mươi bốn nghìn D). Tổng trị giá tài sản cướp được là 6.624.000 D (Sáu triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn D).

Vụ thứ 3: Vào khoảng 03 giờ 00 ngày 13 tháng 9 năm 2020, tại đường hẻm giáo xứ Hà Nội đoạn thuộc khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố Biên Hoà, D, H, M và T đã cướp được của chị Trần Thị Bích L 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60F1-942.08, trị giá 22.260.000 D (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn D).

Vụ thứ 4: Vào khoảng 00 giờ ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại đoạn đường hẻm trước nhà số 9/2/28, khu phố 11, phường T, thành phố B, D, B, H và M đã cướp được của chị Hoàng Thị T 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60C2-707.53, trị giá 32.400.000 D (Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn D).

Vụ thứ 5: Vào khoảng 17 giờ 00 ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại đường hẻm thuộc khu phố 1B, phường Tân Hạnh, thành phố B, T, L và B đã cướp được của anh Nguyễn Trần K 01 chiếc xe mô tô hiệu Waterfall biển số: 60H5-3314, trị giá 2.000.000 D (Hai triệu D).

Vụ thứ 6: Vào khoảng 21 giờ 30 cùng ngày 21/9/2020, tại đường Võ Nguyên Giáp đoạn thuộc tổ 12, khu phố Tân Lập, phường Phước Tân, thành phố B, T cùng với H và T đã cướp được của anh Nguyễn M Tiến 01 chiếc xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150 biển số 60B7-644.09, trị giá 47.830.800 D (Bốn mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn, tám trăm D), bên trong cốp xe có

một số giấy tờ cá nhân của Nguyễn M Tiến và số tiền 800.000 D (Tám trăm nghìn D). Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 48.630.800 D (Bốn mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, tám trăm D).

Vụ thứ 7: Vào khoảng 23 giờ ngày 27 tháng 9 năm 2020, tại đoạn đường nội bộ thuộc khu phố Trần Cao Vân, xã Bàu hàm 2, huyện Thống Nhất, T cùng với H, L và T đã cướp được của anh Đặng Quốc Dũng 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Sonic 150R biển số 50N1- 304.98, trị giá 27.000.000 D (Hai mươi bảy triệu D).

Vụ thứ 8: Vào khoảng 22 giờ 00 ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại đường Quốc lộ 1A khu vực Công viên tượng đài bờ hồ thuộc khu phố 4, thị trấn Trảng Bom, T cùng với L, H và T đã cướp được của anh Nguyễn Đoàn Quốc Hưng 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha- Mio biển số 66P1- 763.70, trị giá 9.000.000 D (Chín triệu D).

Vụ thứ 9: Vào khoảng 21 giờ 30 ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại đường Quốc lộ 20 đoạn cầu Gia Đức thuộc ấp Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, T cùng với L, T và H đã cướp được của anh Tiêu Đình Phước Vỹ 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60B3- 195.68, trị giá 10.000.000 D (Mười triệu D).

Vụ thứ 10: Vào khoảng 22 giờ 40 ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại đường Quốc lộ 1A đoạn thuộc xóm Hồ, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, T cùng với L, T và H đã cướp được của anh Nguyễn Tấn Tài 01 chiếc xe mô tô hiệu AROW biển số 60Y4- 6290, trị giá 3.000.000 D (Ba triệu D); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Mi A2 Lite, trị giá 800.000 D (Tám trăm nghìn D) và số tiền 90.000 D (Chín mươi nghìn D). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.890.000 D (Ba triệu, tám trăm chín mươi nghìn D).

Vụ thứ 11: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17 tháng 10 năm 2020, tại đường Phan Đăng Lưu, phường Long Bình, thành phố B, T cùng L, H và T đã cướp được của anh Trần Đình Thương 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60F1-103.07, trị giá 9.400.000 D (Chín triệu, bốn trăm nghìn D).

Vụ thứ 12: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại đường Bùi Văn Hòa đoạn thuộc khu phố 7, phường Long Bình, thành phố B, T cùng L, H và T thực hiện hành cướp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila biển số 76F1- 9693, trị giá 5.000.000 D (Năm triệu D) của anh Nguyễn Văn Vinh thì T, T, L và H bị bắt giữ, khởi tố, điều tra, xử lý.

Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt được là 205.604.800 D (Hai trăm lẻ năm triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm D).

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết L hành vi của các bị cáo Phạm Văn D, Đoàn H, Võ Huỳnh M, Nguyễn Hồng Gia B, Nguyễn Hữu T, Nguyễn H, Nguyễn Gia T và Lê Hữu L phạm tội “Cướp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 318/CT-VKSBBH ngày 11/5/2021, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật B vệ, làm mất an ninh trật T trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Về vai trò của từng bị cáo, Hội D xét xử xét thấy:

+ Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo trực tiếp thực hiện 11 vụ cướp, với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 173.204.800 D nên bị cáo giữ vai trò đầu trong vụ án;

+ Các bị cáo T và H thực hiện 07 vụ cướp, với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 112.920.800 D nên các bị cáo T và H giữ vai trò thứ hai trong vụ án;

+ Bị cáo L thực hiện 08 vụ cướp, với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 72.914.000 D nên bị cáo L giữ vai trò thứ ba trong vụ án;

+ Các bị cáo D, M và H thực hiện 03 vụ cướp, với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 84.060.000 D nên các bị cáo D, M và H giữ vai trò thứ tư trong vụ án;

+ Bị cáo B thực hiện 03 vụ cướp, với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 41.024.000 D nên bị cáo B giữ vai trò thứ năm trong vụ án..

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: cả 08 bị cáo đều có tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án tiền sự, tại phiên tòa các bị hại đề nghị Hội D xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo (quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự);

+ Riêng bị cáo B đã T nguyện ra đầu thú (quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự);

+ Riêng bị cáo M đã T nguyện bồi thường khắc phục hậu quả (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn H, Lê Hữu L, Đoàn H phạm tội khi đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên Hội D xét xử áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo;

Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Gia T, Võ Huỳnh M và Nguyễn Hồng Gia B phạm tội khi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nên Hội D xét xử áp dụng Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các bị cáo T, H, Gia T, L, H, M và B phạm tội khi dưới 18 tuổi nên Hội D xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Theo khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo D còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ mười triệu D đến một trăm triệu D. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu

chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo D không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội D xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

+ Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn D cùng người đại diện hợp pháp của bị cáo M là ông Võ N và bà Huỳnh Thị T, người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà T và ông Nguyễn Công L, người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn H là bà Trần M Diễm Thúy D ý bồi thường cho chị Lý Thị T số tiền 29.400.000D và bồi thường cho chị Trần Thị Bích L số tiền 22.260.000D nên ghi nhận.

+ Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà T và ông Nguyễn Công L, người đại diện hợp pháp của bị cáo L là bà Lê Thị L và ông Bùi Hữu Lợi, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Gia T là bà Trần Thị Thúy, người đại diện hợp pháp của bị cáo B là ông Nguyễn Hồng C và bà Nguyễn Ngọc L D ý bồi thường cho anh Lê Nguyễn Hoàn L số tiền 6.600.000 D nên ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với con dao (loại dao thái lan) các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, sau khi sử dụng các bị cáo đã vứt bỏ, không xác định được địa điểm, không thu hồi được nên không đặt ra xem xét;

Đối với 01 xe mô tô biển số 51Y6-0186, bị cáo B cùng D bọn sử dụng làm phương tiện phạm tội, là xe của ông Nguyễn Văn Ngà (đã chết) là anh ruột của bố bị cáo B (là ông Nguyễn Hồng C) để tại nhà của ông C, bị cáo B T ý lấy để sử dụng. Kết quả tra cứu, chưa xác định được nguồn gốc xe nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác M và xử lý sau là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60AA-132.88, bị cáo M cùng D bọn sử dụng làm phương tiện phạm tội, là xe của bị cáo M nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với đối tượng Đỗ M Dũng bị phát hiện có sử dụng chiếc xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150 biển số 60B7-644.09, Cơ quan điều tra Công an thành phố B tiếp tục phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, thành phố Hồ Chí M để điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp;

Đối với đối tượng Nguyễn Ngọc Hà (bạn của bị cáo T) và các đối tượng đã mua các tài sản do các bị cáo cướp được mà có, Cơ quan điều tra tiếp tục xác M, điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

Về thương tích của các bị hại: những người bị hại trong vụ án đều xác định chỉ bị trầy xước nhẹ, không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu xử lý đối với các bị cáo nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Lời trình bày của người bào chữa của các bị cáo T, L, H, T, M, B, H phù hợp một phần nhận định của Hội D xét xử về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, áp dụng quy định pháp luật người dưới 18 tuổi phạm tội nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Phạm Văn D, người đại diện hợp pháp của bị cáo M là ông Võ N và bà Huỳnh Thị T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn H là bà Trần M Diễm Thúy phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm mỗi bị cáo 564.500D; người đại diện hợp pháp của bị cáo L là bà Lê Thị L và ông Bùi Hữu Lợi, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Gia T là bà Trần Thị Thúy, người đại diện hợp pháp của bị cáo B là ông Nguyễn Hồng C và bà Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm mỗi bị cáo 300.000D; người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà T và ông Nguyễn Công L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 647.000D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Phạm Văn D, Đoàn H, Võ Huỳnh M, Nguyễn Hồng Gia B, Nguyễn Hữu T, Nguyễn H, Nguyễn Gia T và Lê Hữu L** phạm tội “**Cướp tài sản**”.

- Áp dụng điểm b, d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu T** mức án **04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/10/2020.

- Áp dụng điểm b, d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Gia T** mức án **03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/10/2020.

- Áp dụng điểm b, d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo **Lê Hữu L** mức án **05 (Năm) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/10/2020.

- Áp dụng điểm b, d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn H** mức án **05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/10/2020.

- Áp dụng điểm d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn D** mức án **07 (Bảy) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/9/2020.

- Áp dụng điểm d và đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo **Đoàn H** mức án **04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/9/2020.

- Áp dụng điểm d và đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình

sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo **Võ Huỳnh M** mức án **03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/9/2020.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hồng Gia B** mức án **03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/9/2020.

Về trách nhiệm Dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Phạm Văn D cùng người đại diện hợp pháp của bị cáo M là ông Võ N và bà Huỳnh Thị T, người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà T và ông Nguyễn Công L, người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn H là bà Trần M Diễm Thúy phải liên đới bồi thường cho chị Lý Thị T số tiền 29.400.000D và liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Bích L số tiền 22.260.000D.

Buộc người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà T và ông Nguyễn Công L, người đại diện hợp pháp của bị cáo L là bà Lê Thị L và ông Bùi Hữu Lợi, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Gia T là bà Trần Thị Thúy, người đại diện hợp pháp của bị cáo B là ông Nguyễn Hồng C và bà Nguyễn Ngọc L phải liên đới bồi thường cho anh Lê Hoàn L số tiền 6.600.000 D.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô biển số 60AA-132.88 do bị cáo M cùng D bọn sử dụng làm phương tiện phạm tội; Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 D (Mười triệu D) mà người đại diện hợp pháp của bị cáo M là ông Võ N và bà Huỳnh Thị T đã nộp để đảm B nghĩa vụ thi hành án. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/4/2022 và Biên lai thu tiền số 0002385 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm;

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn D, người đại diện hợp pháp của bị cáo M là ông Võ N và bà Huỳnh Thị T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn H là bà Trần M Diễm Thúy phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm

mỗi bị cáo 564.500D; người đại diện hợp pháp của bị cáo L là bà Lê Thị L và ông Bùi Hữu Lợi, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Gia T là bà Trần Thị Thúy, người đại diện hợp pháp của bị cáo B là ông Nguyễn Hồng C và bà Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm mỗi bị cáo 300.000D; người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà T và ông Nguyễn Công L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 647.000D.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên, người bào chữa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh D Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (46);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoàng Phương